

BẢN TIN KINH TẾ

VỤ TỔNG HỢP KINH TẾ - BỘ NGOẠI GIAO Số 18, Ngày 31/10/2018

❖ TIN VĂN KINH TẾ		❖ NGHIÊN CỨU - NHẬN ĐỊNH	22
▪ Kinh tế thế giới	2	30 NĂM ĐẦU TƯ FDI: NHỮNG TÒN TẠI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHO GIAI ĐOẠN TỚI	
▪ Kinh tế Việt Nam	6		
▪ Văn bản pháp luật	11		
▪ Ngành hàng – Lĩnh vực	14		
❖ TIÊU ĐIỂM - SỰ KIỆN	18	❖ TIN NGOẠI GIAO KINH TẾ	28
THẢO LUẬN VỀ TRIỂN VỌNG KINH TẾ ASEAN TRONG KHUÔN KHỔ HỘI NGHỊ DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI VỀ ASEAN 2018		❖ CƠ HỘI GIAO THƯƠNG	31

BAN BIÊN TẬP
Vụ Tổng hợp Kinh tế
Bộ Ngoại giao
Số 1 Tôn Thất Đàm, Hà Nội

Tel: (024) 37995700
(024) 37995706-08
Fax: (024) 37995747
Email: kt.mfa@mofa.gov.vn

GPXB số 15/GP-XBBT cấp ngày 13/02/2018. In tại Công ty TNHH In Thanh Bình

Ban Biên tập xin trân trọng cảm ơn các đơn vị của Bộ Ngoại giao, các Cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan Ngoại vụ một số Tỉnh, Thành phố đã cung cấp thông tin và viết bài cho Bản tin kỳ này.

KINH TẾ THẾ GIỚI

Nga kịch liệt phản đối Mỹ mở rộng biện pháp trừng phạt Iran. Ngày 16/10, trả lời phỏng vấn hãng Sputnik, Thứ trưởng Ngoại giao Nga Sergei Ryabkov cho biết nước này kịch liệt phản đối Mỹ mở rộng các biện pháp trừng phạt nhằm vào Iran, đồng thời cáo buộc Washington tận dụng mọi cơ hội có thể để gây sức ép với những quốc gia mà họ không thích. Ông Ryabkov nhấn mạnh: "Chúng tôi kịch liệt phản đối Mỹ áp đặt các lệnh trừng phạt đơn phương, bất kể vì mục đích gì và nhằm vào quốc gia nào. Điểm mấu chốt trong lập trường của Nga, đó là chúng tôi phản đối việc sử dụng các biện pháp trừng phạt đơn phương nhằm vào quốc gia khác như một công cụ trong chính sách đối ngoại". Ông cũng khẳng định: "Chúng tôi thấy Washington không hề tôn trọng các giới hạn của việc gây sức ép đối với những quốc gia mà họ không thích, trong đó có Iran".

EU-Nhật Bản quyết tâm hoàn tất thỏa thuận thương mại tự do. Ngày 18/10, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe và Chủ tịch Ủy ban châu Âu (EC) Jean-Claude Juncker đã cam kết nỗ lực tối đa nhằm hoàn tất các thủ tục nội bộ trước cuối năm nay để thỏa thuận thương mại tự do song phương sớm có hiệu lực. Giới chức Nhật Bản cho biết, trong cuộc hội đàm tại thủ đô Brussels (Bi), ông Abe đã bày tỏ lo

ngại về tình trạng đình trệ trong hoạt động đàm phán đưa Anh rời khỏi Liên minh châu Âu (EU) hay còn gọi là Brexit, đồng thời kêu gọi EU có biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của tình hình tới hoạt động của các công ty Nhật Bản kinh doanh tại châu Âu. Cuộc gặp thượng đỉnh EU-Nhật Bản diễn ra sau khi lãnh đạo các nước EU không thể tháo gỡ những bất đồng về cách thức giải quyết vấn đề biên giới trên bộ giữa vùng lãnh thổ Bắc Ireland của Anh và Cộng hòa Ireland tại hội nghị kéo dài 2 ngày của khối này.

Bộ trưởng Tài chính Mỹ cảnh báo các nước nhập khẩu dầu mỏ từ Iran. Bộ trưởng Tài chính Mỹ Steven Mnuchin ngày 21/10 cảnh báo các nước sẽ gặp khó khăn hơn trong việc được miễn trừng phạt liên quan tới lệnh cấm nhập dầu mỏ Iran so với thời chính quyền cựu Tổng thống Barack Obama. Hãng tin Reuters dẫn phát biểu trả lời phỏng vấn của Bộ trưởng Tài chính Mỹ trong chuyến thăm Trung Đông cho biết, để được miễn trừ khỏi lệnh trừng phạt của Mỹ, các nước sẽ phải giảm khoảng 20% lượng dầu nhập khẩu từ Iran so với giai đoạn 2013-2015. Ông Mnuchin kỳ vọng nếu Mỹ miễn trừ cho các nước đáp ứng đủ điều kiện, lượng dầu xuất khẩu của Iran sẽ giảm đáng kể. Tuyên bố của Bộ trưởng Tài chính Mỹ được đưa ra 2 tuần trước thời điểm lệnh trừng phạt

của Washington nhằm vào lĩnh vực dầu mỏ và tài chính của Iran chính thức có hiệu lực từ ngày 4/11. Lượng dầu xuất khẩu của Iran dự kiến sẽ giảm khoảng 2/3 do tác động của lệnh trừng phạt mới này.

Saudi Arabia không có kế hoạch tái áp đặt lệnh cấm vận dầu mỏ.

Ngày 22/10, Saudi Arabia tuyên bố nước này không có kế hoạch tái áp đặt lệnh cấm vận dầu mỏ, từng là nguyên nhân gây ra cuộc khủng hoảng dầu mỏ nghiêm trọng như năm 1973, ngay cả khi mối quan hệ giữa quốc gia Trung Đông này với các nước phương Tây xấu đi sau cái chết gây tranh cãi của nhà báo Jamal Khashoggi. Trả lời hãng thông tấn TASS của Nga, Bộ trưởng Dầu mỏ Saudi Arabia Khaled al-Faleh khẳng định Riyadh "không có ý định" tái diễn sự kiện 1973. Ông nhấn mạnh Saudi Arabia là một quốc gia có đầy đủ trách nhiệm và trong nhiều thập kỷ qua, Riyadh luôn sử dụng chính sách sản xuất dầu mỏ như một công cụ kinh tế có trách nhiệm và tách biệt vấn đề này khỏi các vấn đề chính trị. Người đầu ngành dầu mỏ Saudi Arabia khẳng định nếu giá dầu tăng quá nhiều, kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng chậm lại và có thể gây suy thoái toàn cầu. Lập trường của Saudi Arabia là sẽ duy trì các chính sách hiện thời nhằm đảm bảo sự ổn định của thị trường và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế thế giới.

Nhật Bản quyết định ngừng cấp vốn ODA cho Trung Quốc. Chính phủ Nhật Bản ngày 23/10 cho biết nước này đã quyết định ngừng các dự

án viện trợ phát triển chính thức (ODA) cho Trung Quốc vào tài khóa tới. Phát biểu tại cuộc họp báo, Chánh Văn phòng Nội các Nhật Bản Yoshihide Suga cho biết nguồn vốn ODA mà Nhật Bản cấp từ năm 1979 đã giúp kinh tế và công nghệ Trung Quốc phát triển. Nhật Bản sẽ dừng cấp ODA cho Trung Quốc và thay thế bằng một sáng kiến mới. Theo đó, hai nền kinh tế lớn nhất châu Á sẽ hợp tác cùng nhau xây dựng cơ sở hạ tầng tại các quốc gia đang phát triển. Theo các nguồn tin, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đã đề cập đến các kế hoạch này trong cuộc hội đàm với Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường ngày 26/10 tại thủ đô Bắc Kinh. Nhật Bản đã viện trợ ODA cho Trung Quốc trị giá 3.650 tỷ yen (32,4 tỷ USD) với mục đích xây dựng cơ sở hạ tầng, viện trợ nhân đạo và bảo vệ môi trường.

EC yêu cầu Italia đưa ra kế hoạch chi tiêu mới trong tháng 11.

Ngày 23/10, Ủy ban châu Âu (EC) đã bác bỏ đề xuất ngân sách năm 2019 của Italia và sẽ yêu cầu nước này trong 3 tuần tới phải đưa ra một kế hoạch chi tiêu thay thế. Theo các nguồn tin châu Âu, quyết định trên được 28 ủy viên đưa ra trong một cuộc họp ở Strasbourg, Pháp. Nguồn tin này cho hay Ủy viên về các vấn đề kinh tế của EU Pierre Moscovici sẽ yêu cầu chính quyền dân túy của Italia xem xét lại kế hoạch chi tiêu của nước này, vốn không đáp ứng các nguyên tắc của EU, và trong 3 tuần tới Rome phải trình một dự thảo phù hợp với quy định của châu Âu. Trước đó, Chính phủ Italia đã trình EC dự thảo ngân

sách 2019, trong đó dự kiến sẽ tăng mức thâm hụt ngân sách năm 2019 lên 2,4% Tổng sản phẩm quốc nội (GDP), sau đó giảm còn 2,1% vào năm 2020 và 1,8% trong năm 2021. EU và IMF cảnh báo kế hoạch này có thể làm trầm trọng thêm vấn đề ngân sách của Italia bởi thâm hụt của nước này hiện tương đương 2,4% GDP, cao hơn nhiều so với con số 0,8% mà chính phủ trung hữu trước đó ước tính. Brussels cho rằng Rome cần cắt giảm thâm hụt để bắt đầu có thể giảm khối nợ khổng lồ hiện cao hơn gấp đôi mức trần 60% cho phép của EU hiện nay.

Nga-Italia cam kết tăng cường hợp tác bất chấp lệnh trừng phạt của EU. Bất chấp các lệnh trừng phạt của Liên minh châu Âu (EU) đối với Nga, trong cuộc hội đàm tại Moscow ngày 24/10, Tổng thống nước chủ nhà Vladimir Putin và Thủ tướng Italia Giuseppe Conte đã cam kết tăng cường quan hệ kinh tế cũng như thúc đẩy quan hệ song phương. Phát biểu tại cuộc họp báo chung, Thủ tướng Conte khẳng định mối quan hệ giữa Nga và Italia đang ở trong giai đoạn tuyệt vời, đồng thời cho rằng các biện pháp trừng phạt mà EU áp đặt đối với Nga là "công cụ lỗi thời", cần được dỡ bỏ càng sớm càng tốt. Ông nêu rõ quan điểm của Italia rằng "các biện pháp trừng phạt chưa bao giờ là mục tiêu mà chỉ là công cụ cần được loại bỏ càng sớm càng tốt". Ngoài ra, Thủ tướng Conte cũng cho rằng bất đồng giữa EU và Nga liên quan tới cuộc khủng hoảng tại miền Đông Ukraine đã kéo dài quá lâu, và Rome hy vọng có thể

thuyết phục các đối tác EU về sự cần thiết của đối thoại. Theo ông, cần phải giải quyết cuộc khủng hoảng Ucraina, nếu không, nó sẽ tác động rất tiêu cực đến quan hệ Nga-EU. Italia sẵn sàng góp phần tìm kiếm giải pháp cho cuộc khủng hoảng này, nhưng mọi giải pháp đều dựa trên cơ sở Thỏa thuận Minsk. Thủ tướng Conte cũng nhấn mạnh sẵn sàng ủng hộ các doanh nghiệp nước này dự định phát triển hợp tác với Nga và trách nhiệm của Rome là tăng cường hợp tác công nghiệp với Moscow. Về phần mình, Tổng thống Putin coi Italia là một trong những đối tác kinh tế quan trọng nhất của Nga. Dù kim ngạch thương mại song phương trong năm 2017 chỉ đạt 24 tỷ USD, thấp hơn nhiều so với mức gần 54 tỷ USD trong năm 2013 - thời điểm trước khi EU áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với Nga, nhưng hai nước vẫn duy trì các mối quan hệ "rất nồng ấm" với sự ủng hộ của tất cả lực lượng chính trị.

Quốc hội New Zealand chính thức phê chuẩn Hiệp định CPTPP. Chính phủ New Zealand ngày 25/10 thông báo nước này đã chính thức phê chuẩn Hiệp định Đối tác Tiến bộ và Toàn diện Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Quốc hội New Zealand đã phê chuẩn CPTPP vào cuối ngày 24/10 với ủng hộ của tất cả các đảng, trừ Đảng Xanh. Trước đó, Nhật Bản, Mexico và Singapore đã phê chuẩn CPTPP hồi đầu năm 2018. Bộ trưởng Thương mại New Zealand David Parker cho biết tầm quan trọng của CPTPP đã gia tăng trong những tháng

gần đây trước “sự leo thang của các biện pháp bảo hộ thương mại trên thế giới”. Theo ông Parker, việc New Zealand thông qua CPTPP có nghĩa trong tương lai các doanh nghiệp của nước này sẽ có thể được hưởng lợi từ các điều kiện thương mại được cải thiện và thuế quan hạ thấp.

Thủ tướng Nhật Bản thăm Trung Quốc, ký thỏa thuận song phương trị giá 2,6 tỷ USD. Lần đầu tiên sau 7 năm, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe có chuyến thăm chính thức đến Trung Quốc (25-27/10) nhằm thúc đẩy hợp tác song phương giữa lúc hai bên đang căng thẳng thương mại với Mỹ. Trong cuộc họp báo chung sáng 26/10 tại Bắc Kinh, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe và Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường tuyên bố hai bên đã ký kết hơn 500 hợp đồng buôn bán, tổng trị giá hơn 2,6 tỷ USD, nhân chuyến thăm chính thức của ông Abe đến Trung Quốc. Nhiều thỏa thuận hợp tác cũng được ký kết, gồm một thỏa thuận trao đổi tiền tệ chưa được thông qua từ năm 2013. Thủ tướng Lý Khắc Cường không nêu chi tiết về các hợp đồng buôn bán. Tuy nhiên, ông khẳng định hai bên được tạo nhiều điều kiện để thúc đẩy hợp tác, sáng tạo, bảo vệ môi trường, sức khỏe và phúc lợi. "Quan hệ Trung - Nhật đã trở về quỹ đạo bình thường, cho thấy nhiều bước tiến nhất quán", ông Lý cho biết. "Tôi hy vọng quan hệ

hai bên có thể tiến triển nhiều hơn". Tháp tùng ông Abe là phái đoàn gồm hơn 500 đại diện của các công ty Nhật Bản mong muốn thâm nhập vào thị trường khổng lồ ở Trung Quốc. Cùng lúc đó, Bắc Kinh đang quan tâm đến việc hợp tác để học hỏi công nghệ từ Nhật Bản.

Kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng chậm trong quý 3 năm 2018. Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK) ngày 25/10 thông báo, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) quý 3 của Hàn Quốc đạt 400.234,6 tỷ won (351,9 tỷ USD), tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2017, mức thấp nhất trong năm 2018. Vào quý 4/2017, GDP Hàn Quốc lần đầu tăng trưởng âm trong vòng 9 năm, kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Tới quý 1 năm nay, GDP quay trở lại mức tăng 1%, nhưng sau đó chỉ dừng ở mức tăng dưới 1% trong quý 2 và 3. So với cùng kỳ năm 2017, GDP quý 3 năm nay tăng 2%, mức thấp nhất trong vòng 9 năm qua. BOK cho biết mức tăng năm nay thấp hơn năm ngoái, là do tỷ lệ tăng trưởng của quý 3 năm 2017 ở mức quá cao. GDP trong quý 3 đang duy trì xu hướng tăng tương tự quý 2. BOK dự đoán tỷ lệ tăng trưởng GDP trong quý 4 sẽ khả quan hơn quý 3 do chính phủ giảm thuế tiêu thụ đặc biệt và hiệu quả từ các biện pháp đầu tư của chính phủ./.



KINH TẾ VIỆT NAM

Bộ Tài chính: Sẽ "mở nút" 168 thủ tục gây khó cho tổ chức, cá nhân

Trả lời báo chí ngày 23/10, Bộ trưởng Bộ Tài chính Đinh Tiến Dũng cho hay, trong giai đoạn 2011-2015, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát và cắt giảm 248 thủ tục hành chính và đơn giản hóa 962 thủ tục. Tiếp đó, từ năm 2016 đến 2/10/2018, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát cắt giảm 174 thủ tục hành chính và đơn giản hóa 888 thủ tục hành chính. Trong số này, riêng lĩnh vực thuế đã cắt giảm được 95 thủ tục và đơn giản hóa 300 thủ tục, lĩnh vực hải quan cũng cắt giảm 42 thủ tục và đơn giản hóa 181 thủ tục.

Kết quả, đến tháng 10/2018, bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính còn 997 thủ tục hành chính, trong đó lĩnh vực thuế có 298 thủ tục, hải quan có 183 thủ tục, chứng khoán là 184 thủ tục, Kho bạc Nhà nước còn 22 thủ tục, còn lại là 300 thủ tục các lĩnh vực tài chính khác.

Theo Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng, để tiếp tục cải cách hành chính, Bộ Tài chính đã chỉ đạo rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm, bãi bỏ những thủ tục không cần thiết, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân.

Các đơn vị chuyên môn của Bộ Tài chính đã xây dựng được phương án và đang trình lãnh đạo bộ xem xét cắt giảm trên 140 thủ tục hành chính và đơn giản hóa 28 thủ tục. Cụ thể, lĩnh vực thuế dự kiến cắt giảm 7 thủ tục, đơn giản hóa 2 thủ tục. Lĩnh vực hải quan sẽ cắt giảm và đơn giản hóa 14 thủ tục, ngành kho bạc có 22 thủ tục, chứng khoán là 36 thủ tục, còn lại 93 thủ tục các lĩnh vực tài chính khác.

“Đồng thời, Bộ Tài chính đang trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, dự kiến sẽ cắt giảm 117 điều kiện kinh doanh trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính,” Bộ trưởng Bộ Tài chính nói.

Thực hiện thành công 'mục tiêu kép' giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô

Theo báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp Quốc hội hôm 22/10, nhờ có tinh thần vào cuộc mạnh mẽ của toàn hệ thống chính trị, ngay từ đầu nhiệm kỳ, nền kinh tế đã từng bước vượt

qua khó khăn, thách thức. Chín tháng đầu năm 2018, kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội đạt được rất toàn diện, 8/12 chỉ tiêu Quốc hội giao năm 2018 sẽ vượt, 4/12 chỉ tiêu

đạt kế hoạch đề ra. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát. Chỉ số CPI bình quân chín tháng năm 2018 tăng 3,57%. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 179 tỷ USD, tăng 15,4%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 17,5%, cao hơn khu vực FDI (tăng 14,6%); 26 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó có năm mặt hàng đạt trên 10 tỷ USD.

GDP 9 tháng đầu năm 2018 tăng 6,98%, là mức tăng cao nhất cùng kỳ kể từ năm 2011. Đặc biệt, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,65%, là động lực chính của tăng trưởng. Dự báo triển vọng GDP năm 2018 có thể tăng cao hơn chỉ tiêu Quốc hội đề ra 6,7%.

Nhìn chung, mô hình tăng trưởng đã chuyển biến theo hướng tích cực, góp phần thực hiện thành công "mục tiêu kép" là vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, vừa thúc đẩy tăng trưởng. Chất lượng tăng trưởng kinh tế đã được cải thiện rõ rệt, tạo thêm dư địa để thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ bảo đảm an sinh xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân... Nhiều tổ chức quốc tế đã có những dự báo tích cực đối với sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo năm 2018, GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng 6,8%; trong khi Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo đạt khoảng 6,9%.

10 tháng thu hút gần 28 tỷ USD

Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến ngày 20/10/2018, cả nước có 2.458 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đăng ký cấp mới là 15 tỷ USD, bằng 92,2% so với cùng kỳ năm 2017; có 954 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm 6,5 tỷ USD, bằng 90% so với cùng kỳ năm 2017.

10 tháng đầu năm 2018, cả nước có 5.342 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị vốn góp 6,3 tỷ USD, tăng 35,8% so với cùng kỳ 2017.

Tính chung trong 10 tháng năm 2018, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài là 27,9 tỷ USD, bằng 98,8% so với cùng kỳ năm 2017.

Trong 10 tháng năm 2018, nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành lĩnh vực, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực đứng đầu với số vốn đạt 13,2 tỷ USD, chiếm 47,5% tổng vốn đầu tư đăng ký; hoạt động kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư 5,7 tỷ USD, chiếm 20,4% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo là lĩnh vực bán buôn, bán lẻ với tổng vốn đầu tư đăng ký là 2,3 tỷ USD, chiếm 8,5% tổng vốn đầu tư đăng ký.

Có 105 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Nhật Bản đứng vị trí thứ nhất với tổng vốn đầu tư là 7,6 tỷ USD, chiếm 27,5% tổng vốn đầu tư; Tiếp theo là Hàn Quốc với tổng vốn đầu tư đăng ký 6,5 tỷ USD, chiếm 23,4% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Singapore với tổng vốn đầu tư đăng ký là 3,9 tỷ USD, chiếm 14% tổng vốn đầu tư...

Tính lũy kế đến ngày 20/10/2018, cả nước có 26.876 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 336,2 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 187,4 tỷ USD, bằng 55,7% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực.

Moody's: Kinh tế Việt Nam sẽ tăng tốc với triển vọng lạc quan

Trong báo cáo công bố hôm 29/10 mang tên “Triển vọng Việt Nam: Khả năng phục hồi giữa sự bấp bênh của các thị trường mới nổi”, hãng xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Moody's nhận định nền kinh tế Việt Nam vẫn sẽ tăng tốc với triển vọng lạc quan, bất chấp ảnh hưởng tiêu cực của những bất ổn tài chính và thương mại gần đây đối với nhiều thị trường mới nổi ở Đông Nam Á. Theo dự đoán của Moody's, sau khi đạt mức tăng trưởng GDP cao nhất trong sáu năm là 6,8% vào năm 2017 (số liệu đã điều chỉnh theo lạm phát), nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng 6,7% trong năm 2018.

Triển vọng kinh tế tích cực được hỗ trợ bởi hoạt động xuất khẩu các mặt hàng điện tử và dệt may đang diễn ra mạnh mẽ, đi cùng đà phục hồi tương đối của lĩnh vực nông nghiệp và dòng vốn đầu tư nước ngoài ổn định. Ngoài ra, không giống những năm qua, thị trường nội địa mạnh mẽ cũng sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với lượng

khách du lịch ở mức cao kỷ lục kể từ đầu năm nay và một thị trường lao động vững mạnh, lĩnh vực tiêu dùng đã ghi nhận tăng trưởng hai con số kể từ năm 2017.

Thương mại tiếp tục là động lực thúc đẩy sự phát triển tại Việt Nam. Những lợi thế như chi phí lao động thấp, lực lượng lao động trẻ dồi dào và đang gia tăng đã giúp Việt Nam trở thành một điểm đến hấp dẫn của các nhà sản xuất, trong khi dòng vốn đầu tư trực tiếp hỗ trợ tăng trưởng xuất khẩu trong nửa đầu năm 2018. Kết quả là, cán cân thương mại được cải thiện đã làm tăng thặng dư tài khoản vãng lai của Việt Nam, chiếm đến 6,6% GDP trong quý 2/2018, từ con số 5,1% GDP của năm 2017. Bên cạnh đó, chịu tác động từ những căng thẳng thương mại đang bùng phát, các công ty đa quốc gia, bao gồm LG và Samsung, đã chuyển một số hoạt động sản xuất từ Trung Quốc sang các khu vực khác, trong đó có Việt Nam.

Mặc dù vậy, căng thẳng thương mại toàn cầu và sự mạnh lên của

đồng USD cũng có tác động tiêu cực đến thị trường tài chính Việt Nam trong năm nay, dù ảnh hưởng này là nhỏ hơn so với các thị trường mới nổi khác. Chỉ số chứng khoán VN-Index đã giảm hơn 20% kể từ mức đỉnh đạt được hồi tháng Tư, song đây vẫn là một trong số ít các thị trường mới nổi duy trì hoạt động tích cực cho đến nay. Đồng Việt Nam đã mất giá 2,7% so với đồng USD kể từ đầu

năm 2018, song đây vẫn chưa phải là con số đáng lo ngại nếu đem so sánh với các đồng tiền của những thị trường mới nổi khác. Thặng dư tài khoản vãng lai và nguồn dự trữ ngoại tệ lớn sẽ tiếp tục định vị nền kinh tế Việt Nam ở vị trí tốt hơn so với những thị trường mới nổi khác vốn đang phải đối mặt với tình trạng thâm hụt tài khoản vãng lai ngày càng trầm trọng.

CPI tháng 10/2018 tăng 0,33% so với tháng trước

Theo Tổng cục Thống kê, CPI bình quân 10 tháng năm 2018 tăng 3,6% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. Riêng CPI tháng 10/2018 tăng 3,54% so với tháng 12/2017 và tăng 3,89% so với cùng kỳ năm 2017.

Trong tháng 10, nhóm giao thông có mức tăng cao nhất với mức tăng 1,55%, trong đó riêng giá xăng dầu đã tăng đến 3,45%, tác động CPI chung tăng 0,14%. Tiếp đó là nhóm giáo dục tăng 0,58%, nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,31%, nhóm hàng hóa và dịch vụ ăn uống tăng 0,22%.

Ngoài ra, một số nhóm khác có mức tăng nhẹ là may mặc, mũ nón, giày dép (tăng 0,15%); thiết bị và đồ dùng gia đình (tăng 0,11%); văn hóa, giải trí và du lịch (tăng 0,09%); đồ uống và thuốc lá (tăng 0,03%); thuốc và dịch vụ y tế (tăng 0,02%); hàng hóa và dịch vụ khác (tăng 0,09%). Riêng nhóm bưu chính viễn thông tiếp tục giảm 0,04%.

Cũng theo Tổng cục Thống kê, lạm phát cơ bản tháng 10/2018 tăng 0,13% so với tháng trước và tăng 1,67% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 10 tháng năm 2018 tăng 1,43% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.

13.000 doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 10

Theo thông kê của Cục Quản lý Đăng ký Kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong tháng 10/2018, số doanh nghiệp được thành lập mới là 13.000 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 152.541 tỷ đồng, tăng 16,5% về số doanh nghiệp, tăng

27,9% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017.

Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp và số lao động đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới tăng so với tháng 9/2018. Cụ thể, tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh

nghiệp đạt 11,7 tỷ đồng, tăng 26,8%; tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới là 105.049 lao động, tăng 23,5% so với tháng trước.

Trong 10 tháng đầu năm 2018, cả nước có 109.611 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 1.115.952 tỷ đồng, tăng 4,3% về số doanh nghiệp và tăng 9,2% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017. Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong 10 tháng đầu năm 2018 đạt 10,2 tỷ đồng, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2017. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 10 tháng năm nay là 924.791 lao động, giảm 5,3% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 10 tháng năm 2018, cả nước cũng có 27.935 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 22,7% so với cùng kỳ năm 2017; 24.467 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước cũng có 53.937 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, tăng 62,6% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó có 37.722 doanh nghiệp ngừng hoạt động không đăng ký và 16.215 doanh nghiệp chờ giải thể.

Ngoài ra, trong 10 tháng qua, cả nước cũng có 13.307 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 35,9% so với cùng kỳ năm 2017.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT

BỔ QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC NỘI ĐỊA

Ngày 16/10/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định 144/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định về vận tải đa phương thức.

Theo đó, bổ sung phạm vi điều chỉnh của Nghị định 87/2009/NĐ-CP bao gồm cả người kinh doanh các phương thức vận tải tham gia vào hoạt động vận tải đa phương thức đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật tương ứng với mỗi phương thức vận tải.

Bổ điều kiện phải là doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế trong điều kiện kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế ở Nghị định 87/2009/NĐ-CP.

Bộ Giao thông Vận tải cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế cho doanh nghiệp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ thay vì 10 ngày theo Nghị định 87/2009/NĐ-CP.

Nghị định 144/2018/NĐ-CP cũng bãi bỏ Chương III Nghị định 87/2009/NĐ-CP về kinh doanh vận tải đa phương thức nội địa và Nghị định 87/2009/NĐ-CP.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký

CẤM NHẬP KHẨU SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG

Ngày 15/10/2018, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư 11/2018/TT-BTTTT công bố chi tiết Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu kèm theo mã số HS

Theo đó, danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu bao gồm:

- Mặt hàng máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), trục lăn và các bộ phận in của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng; Nhóm 8443;

- Bộ điện thoại, kể cả điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, kể cả các thiết bị viễn thông nối mạng hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng), trừ loại thiết bị truyền hoặc thu của nhóm 84.43, 85.25. 85.27 hoặc 85.28; Nhóm 85.17;

- Dây điện, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) có cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn có cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối: Nhóm 85.44...

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 30/11/2018.

MÁY XỬ LÝ DỮ LIỆU TỰ ĐỘNG PHẢI NHẬP KHẨU THEO GIẤY PHÉP

Ngày 15/10/2018, Bộ Thông tin truyền thông ban hành Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.

Theo đó, khi các doanh nghiệp nhập máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hay đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu thì đều phải nhập khẩu theo giấy phép nhập khẩu.

Cũng trong Thông tư mới, khi các doanh nghiệp được thực hiện hoạt động nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng thì phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu tại Cục An toàn thông tin; trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục An toàn thông tin tiến hành kiểm tra; trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ nhận được hồ sơ hợp lệ thì cấp Giấy phép nhập khẩu.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2018

CHỈ THỊ VỀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NỢ

Ngày 15/10/2018 vừa qua, Bộ Tài chính đã ban hành Chỉ thị 04/CT-BTC về tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế thu hồi nợ thuế để giảm nợ đọng ngành thuế quản lý.

Theo Chỉ thị này, sẽ có nhiều trường hợp được xem xét xóa nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp, trong đó có:

- Doanh nghiệp đã bị phá sản đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định mà không còn tài sản để nộp tiền thuế còn nợ;

- Cá nhân đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự không có tài sản để nộp tiền thuế còn nợ;

- Doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân nợ tiền thuế đã quá 10 năm cơ quan thuế đã áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế nhưng không có khả năng thu hồi;

- Các khoản tiền thuế nợ, tiền phạt không còn khả năng thu hồi phát sinh trước ngày 01/07/2007 của hộ gia đình, cá nhân gặp khó khăn, không thanh toán được nợ thuế, đã ngừng kinh doanh, của doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần

hóa hoặc chuyển đổi và pháp nhân mới không chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ thuế.

Cũng theo Chỉ thị này, Bộ Tài chính yêu cầu Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải công khai người nộp thuế chây ỳ nợ thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng, lên án mạnh mẽ và xử lý kiên quyết các hành vi trốn thuế, chây ỳ nộp thuế.

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

Ngày 24/10, Chính phủ đã ban hành Nghị định 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải. Theo Nghị định mới, để kinh doanh vận tải biển chỉ cần đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật thay vì phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển như trước đây.

Nghị định này cũng chính thức bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển. Đồng thời, đơn giản hóa điều kiện với doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển nội địa. Theo đó, ngoài việc đáp ứng yêu cầu là doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập theo quy định thì chỉ cần có quyền sử dụng hợp pháp tối thiểu 01 tàu biển mang quốc tịch Việt Nam. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển được thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục hoạt động.

Nghị định này được ban hành và có hiệu lực từ ngày 24/10/2018./.



NGÀNH HÀNG - LĨNH VỰC

CÀ PHÊ XUẤT KHẨU GIẢM MẠNH TRONG THÁNG 9

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê trong tháng 9/2018 sụt giảm mạnh 21,3% về lượng và giảm 24,8% về kim ngạch so với tháng 8/2018, đạt 120.665 tấn, thu về 212,1 triệu USD. Tuy nhiên, so với tháng 9/2017, lượng cà phê tăng mạnh 51,8% về lượng và tăng 13,2% về kim ngạch.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2018, lượng cà phê xuất khẩu vẫn tăng mạnh 31,2% so với cùng kỳ, đạt 1,45 triệu tấn và kim ngạch cũng tăng 9%, đạt 2,75 tỷ USD.

Giá cà phê xuất khẩu trung bình trong tháng 9/2018 cũng giảm 4,5% so với tháng 8/2018 và giảm 25,4% so với tháng 9/2017, đạt 1.757,8 USD/tấn. Tính trung bình 9 tháng đầu năm, giá cà phê xuất khẩu đạt 1.900,7 USD/tấn, giảm 16,9% so với cùng kỳ.

Cà phê của Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang các thị trường: Đức, Mỹ, Italia, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Nga...

Xét về mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cà phê trong 9 tháng đầu năm nay, thì thấy phần lớn các thị trường đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, thị trường Indonesia có mức tăng đột biến 973% về lượng và tăng 672% về kim ngạch so với cùng kỳ, đạt 60.263 tấn, tương đương 118,71 triệu USD. Xuất khẩu sang Nam Phi cũng tăng rất mạnh 427,5% về lượng và tăng 329,6% về kim ngạch, đạt 8.540 tấn, tương đương 14,74 triệu USD.

Kim ngạch xuất khẩu còn tăng mạnh ở các thị trường như: Hy Lạp tăng 99,8%, đạt 18,01 triệu USD; Campuchia tăng 97,5%, đạt 2,03 triệu USD; Nga tăng 67% đạt 144,63 triệu USD.

XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TĂNG GẦN 15%

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu tháng 9/2018 đạt 715,38 triệu USD, giảm 10,3% so với tháng 8/2018 nhưng tăng 11,6% so với cùng tháng năm 2017. Tính chung trong cả 9 tháng đầu năm, kim ngạch đạt 6,37 tỷ USD, tăng 15% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, riêng sản phẩm gỗ chiếm 69,8% trong tổng kim ngạch, đạt 4,45 tỷ USD, tăng 8%.

Gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang rất nhiều thị trường, trong đó thị trường Mỹ lớn nhất chiếm 42,8% trong tổng kim ngạch, đạt 2,73 tỷ USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm 2017. Tiếp theo là Nhật Bản 826,95 triệu USD, chiếm 13% trong tổng kim ngạch, tăng 8,1%; Trung Quốc đạt 812,58 triệu USD,

chiếm 12,7%, tăng 3,8%; Hàn Quốc 699,21 triệu USD, chiếm 11%, tăng 49,1%; EU 547,09 triệu USD, chiếm 8,6%, tăng 3,6%.

Xét về mức tăng trưởng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong 9 tháng đầu năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017 thì phần lớn các thị trường đều tăng kim ngạch; trong đó có một số thị trường tăng trưởng trên 100% kim ngạch như: Séc tăng 128,8%, đạt 1,2 triệu USD; Malaysia tăng 109,8%, đạt 78,95 triệu USD; Thụy Sĩ tăng 107,3%, đạt 1,44 triệu USD.

Bên cạnh đó, xuất khẩu còn tăng mạnh ở các thị trường sau: Phần Lan tăng 73%, đạt 1,42 triệu USD; Mexico tăng 70,5%, đạt 9,59 triệu USD; Campuchia tăng 66,5%, đạt 8,92 triệu USD; Thái Lan tăng 52%, đạt 25,66 triệu USD.

Ngược lại, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sụt giảm mạnh ở thị trường: Hồng Kông giảm 56,9%, đạt 6,06 triệu USD; Kuwait giảm 35,2%, đạt 4,85 triệu USD; Hy Lạp giảm 23,7%, đạt 2,31 triệu USD.

XUẤT KHẨU SẮT THÉP TĂNG MẠNH TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 9/2018, xuất khẩu sắt thép giảm 4,7% về lượng và giảm 5,5% về kim ngạch so với tháng liền kề trước đó, nhưng tăng mạnh 27,9% về lượng và tăng 38,6% về kim ngạch so với cùng tháng năm trước, đạt 576.188 tấn, tương đương 407,45 triệu USD. Tuy nhiên, tính chung cả 9 tháng năm 2018, xuất khẩu sắt thép của cả nước là 4,6 triệu tấn, đạt 3,4 tỷ USD, tăng 39,2% về lượng và tăng 55,5% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2017.

Giá sắt thép xuất khẩu trong tháng 9/2018 giảm 0,8% so với tháng 8/2018, nhưng tăng 8,4% so với tháng 9/2017, đạt 707,2 USD/tấn. Tính trung bình trong cả 9 tháng đầu năm 2018 giá tăng 11,7%, đạt 736 USD/tấn.

Thị trường xuất khẩu nhiều nhất là các nước Đông Nam Á, Mỹ, EU; trong đó, xuất khẩu sang Đông Nam Á tăng 33,2% về lượng và tăng 51,2% về kim ngạch so với cùng kỳ 2017, đạt 2,57 triệu tấn với trị giá 1,75 tỷ USD, chiếm 55,7% trong tổng lượng và chiếm 51,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của cả nước. Giá xuất khẩu sang thị trường này tăng 13,6%, đạt trung bình 683 USD/tấn. Trong đó xuất sang Campuchia 976.660 tấn, tăng 52,9%; Indonesia 452.480 tấn, tăng 9,6%; Malaysia 478.116 tấn, tăng 76,6%; Thái Lan 253.320 tấn, tăng 62,4%; Philippines 267.151 tấn, giảm 16,6%.

Sắt thép xuất khẩu sang thị trường Mỹ chiếm 15,6% trong tổng lượng và chiếm 18% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của cả nước, tăng mạnh 89,8% về lượng, tăng 102,4% về kim ngạch và tăng 6,7% về giá, đạt 717.613 tấn, tương đương 613,06 triệu USD, giá 854,3 USD/tấn.

Thị trường EU chiếm 8,4% trong tổng lượng và chiếm 9,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam, đạt 387.544 tấn, tương đương 318,91

triệu USD, tăng 51,2% về lượng, tăng 66,2% về kim ngạch so với cùng kỳ. Giá xuất khẩu tăng 9,9%, đạt trung bình 822,9 USD/tấn.

XUẤT KHẨU CÁ TRA SANG MỸ TĂNG ĐỘT BIẾN

Theo thông tin từ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), tính đến hết tháng 9/2018, tổng giá trị xuất khẩu cá tra của cả nước đạt 1,59 tỷ USD, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm 2017. Đáng chú ý, từ quý 3/2018, xuất khẩu cá tra sang một số thị trường lớn có nhiều chuyển biến tốt, nhất là thị trường Mỹ có sự tăng trưởng xuất khẩu khá đột biến. Theo đó, xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ có xu hướng tăng mạnh. Trong tháng 8/2018, xuất khẩu cá tra sang thị trường này đạt 65,9 triệu USD, tăng 256% so với cùng kỳ năm 2017.

Xu hướng tăng trưởng này tiếp tục được duy trì trong tháng 9, với giá trị xuất khẩu đạt gần 48 triệu USD, tăng 152,5% so với cùng kỳ năm 2017. Tính đến hết tháng 9 vừa qua, tổng giá trị xuất khẩu cá tra sang Mỹ đạt 369,1 triệu USD, tăng 42,9% so với cùng kỳ năm 2017. Theo các doanh nghiệp, xuất khẩu cá tra sang thị trường này có sự tăng trưởng mạnh chủ yếu nhờ nhu cầu thị trường ổn định và giá bán cá tra tăng lên đáng kể. Cơ hội thúc đẩy xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ đang ngày càng rõ nét hơn khi ngành này cùng lúc nhận được hai tin vui trong tháng 9. Đó là việc Cục kiểm tra An toàn thực phẩm Mỹ đề xuất dự thảo lấy ý kiến công nhận hệ thống kiểm tra cá Siluriformes (bộ cá da trơn, bao gồm cá tra, basa...) ở Việt Nam tương đương với hệ thống của Mỹ. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu sản phẩm cá và cá Siluriformes vào thị trường Mỹ. Bên cạnh đó, Bộ Thương mại Mỹ ban hành kết luận sơ bộ của đợt rà soát thuế chống bán phá giá cá tra lần thứ 14 (POR14) cho giai đoạn từ ngày 1/8/2016 đến 31/7/2017, với mức thuế sơ bộ cho hai bị đơn bắt buộc là 0 USD/kg và 1,37 USD/kg. Thuế suất cho các bị đơn tự nguyện là 0,41 USD/kg và thuế suất toàn quốc là 2,39 USD/kg. Mức thuế này thấp hơn rất nhiều so với kết quả cuối cùng của đợt rà soát POR13 (3,87 USD/kg). Dù mới là kết quả sơ bộ, song đây được xem là tín hiệu tích cực với cá tra Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này.

XUẤT KHẨU TÚI XÁCH VÀ LI ĐẠT GẦN 2,5 TỶ USD

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2018 kim ngạch xuất khẩu túi xách, ví, va li, mũ, ô, dù giảm 17% so với tháng trước và giảm 6,1% so với tháng 9/2017, đạt 244,14 triệu USD. Tính chung 9 tháng đầu năm 2018, kim ngạch sụt giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2017, đạt trên 2,48 tỷ USD.

Thị trường xuất khẩu lớn nhất là Mỹ, chiếm tới 38,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu túi xách, ví, va li, mũ, ô, dù của cả nước đạt 951,92 triệu USD, giảm

8,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Riêng tháng 9/2018 xuất sang Mỹ đạt 106,89 triệu USD, giảm 10,9% so với tháng 8/2018 và giảm 2,2% so với tháng 9/2017.

EU là thị trường lớn thứ 2 tiêu thụ nhóm hàng này của Việt Nam đạt 678,63 triệu USD, chiếm 27,4%, tăng 5,4%. Trong đó tháng 9/2018 đạt 59,14 triệu USD, giảm 20,8% so với tháng 8/2018 nhưng và giảm 14,4% so với cùng tháng năm ngoái. Tiếp theo là thị trường Mỹ, EU, và Nhật Bản đạt 274,93 triệu USD, chiếm 11,1%, tăng 5,6% so với cùng kỳ.

Trong 9 tháng đầu năm nay, đa số các thị trường tăng kim ngạch, trong đó xuất khẩu sang thị trường Séc tăng mạnh nhất 145,7%, mặc dù kim ngạch chỉ đạt 5,13 triệu USD. Bên cạnh đó, xuất khẩu còn tăng trưởng cao ở mức 2 con số ở các thị trường như: Ba Lan tăng 14,5%, đạt 7,46 triệu USD; Australia tăng 30%, đạt 43,06 triệu USD; Anh tăng 13%, đạt 69,16 triệu USD; Tây Ban Nha tăng 11,7%, đạt 18,38 triệu USD; Bỉ tăng 11,6%, đạt 83,53 triệu USD.

NHÀ MÁY NHIÊN LIỆU SINH HỌC DUNG QUẤT RA DÒNG SẢN PHẨM ĐẦU TIÊN

Theo tin từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, 15h ngày 19/10/2018, sau 5 ngày khởi động toàn bộ nhà máy, Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất thuộc Công ty CP Nhiên liệu sinh học dầu khí miền Trung (BSR – BF) đã cho ra dòng sản phẩm cồn sinh học (E100). Ông Phạm Văn Vượng, Giám đốc BSR – BF cho biết: Công suất mỗi giờ là 9m³ tấn sản phẩm và sẽ nâng công suất sau một thời gian ngắn nữa. Đây là tin vui không chỉ cho lĩnh vực sản xuất cồn sinh học mà là tin báo hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thành công trong việc vận hành lại Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất. Đối tác Tocontap sẽ chịu trách nhiệm bao tiêu toàn bộ sản phẩm do Nhiên liệu sinh học Dung Quất sản xuất ra.

Công ty đang xây dựng kế hoạch lâu dài để có thể gia công thêm nhiều sản phẩm. Hiện tại, khâu thu mua sản đầu vào và đầu ra ethanol của công ty có nhiều thuận lợi và hiệu quả. Theo dự tính thì thời gian đầu hoạt động trở lại, công ty có thể cân đối để tự chi trả lương cho cán bộ, công nhân viên. Hiện nay, công ty cũng rất cần sự hỗ trợ của cổ đông, đối tác. Trong thời gian tới, khi nhà máy chạy lại ổn định; ngân hàng sẽ có sự hỗ trợ.

Ông Khương Lê Thành, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) chia sẻ, với tư cách là cổ đông và theo sự chỉ đạo của PVN; BSR đã huy động 100 lượt cán bộ công nhân viên hỗ trợ. Trước đó, Công ty BSR – BF cũng đã xuất hàng chục tấn CO₂ cho một công ty tại Bắc Giang. Đây là một trong hai sản phẩm phụ của nhà máy, bên cạnh bã dregs trong chăn nuôi.



TIÊU ĐIỂM - SỰ KIỆN

THẢO LUẬN VỀ TRIỂN VỌNG KINH TẾ ASEAN TRONG KHUÔN KHỔ HỘI NGHỊ DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI VỀ ASEAN 2018

Trong khuôn khổ hội nghị WEF ASEAN 2018 tại Hà Nội hồi tháng 9/2018, đã diễn ra phiên thảo luận về triển vọng kinh tế khu vực các nước ASEAN. Tham gia phiên thảo luận có Thống đốc ngân hàng Trung ương Thái Lan, Bộ trưởng tài chính Indonesia, Chủ tịch tập đoàn CIMB, Giám đốc khu vực Đông Nam Á - Ngân hàng Standard Chartered và Giám đốc quản lý đối tác toàn cầu của tập đoàn McKinsey.

Phiên thảo luận tập trung đánh giá về cơ hội – thách thức của các nền kinh tế của khu vực trong bối cảnh thế giới đầy biến động, nhất là khi cuộc xung đột thương mại Mỹ - Trung Quốc đang diễn ra ngày càng gay gắt; và gợi mở chính sách về nội hàm phát triển bao trùm qua kinh nghiệm thực tế của Thái Lan và Indonesia.

Mặc dù, tại Diễn đàn kinh tế thế giới tại Davos (tháng 1/2018), tất cả các đại biểu đều có chung nhận định rằng nền kinh tế toàn cầu đang phục hồi tốt, các thị trường mới nổi tại châu Á và đặc biệt tại Đông Nam Á có tốc độ phát triển thuộc nhóm nhanh nhất thế giới, quan hệ thương mại và đầu tư toàn cầu đang rơi vào bất ổn sau hàng loạt các động thái bảo hộ nền kinh tế Mỹ của Tổng thống Donald Trump, và đỉnh điểm là cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đang diễn ra căng thẳng và khó dự đoán. Tổng thống Mỹ Donald Trump đã quyết định bắt đầu chiến dịch chính đôn lại các mối quan hệ thương mại được coi là có hại trên nhiều phương diện cho nước Mỹ.

Sự thay đổi nhận thức của lãnh đạo nước Mỹ là yếu tố quyết định đến tình hình xung đột thương mại hiện nay.

Tuy nhiên, không tán thành với cách làm hiện nay của chính quyền Mỹ, ông Kenvin (đại diện của McKinsey) cho rằng, sự phát triển kinh tế của Trung Quốc cần phải được các nước tiếp cận theo hướng điều chỉnh và thích nghi thay vì mang cảm giác chịu đựng và luôn tìm cách ngăn cản.

Cuộc xung đột thương mại Mỹ - Trung sẽ tác động tới hầu hết các quốc gia Đông Nam Á, dẫn tới tình trạng suy giảm tốc độ tăng trưởng và gia tăng đói nghèo ở khu vực. Đông Nam Á bao gồm các nước có mô hình tăng trưởng kinh tế gắn chặt với các hoạt động sản xuất, chế tạo. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của các nước này với Trung Quốc là rất lớn. Việc Mỹ gây trở ngại đến hoạt động xuất khẩu của Trung Quốc sẽ gián tiếp gây ra sự suy giảm trong dòng chảy

thương mại của khu vực Đông Nam Á. Theo thống kê của CIMB, khoảng 20% đến 25% giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu của các nước ASEAN sẽ chịu tác động. Các quốc gia có nền dịch vụ hậu cần vận tải (logistics) lớn trong khu vực sẽ cảm nhận rõ ảnh hưởng tiêu cực của vấn đề này.

Sự biến động của tình hình kinh tế thế giới sẽ làm các nền kinh tế mới nổi bộc lộ nhiều yếu điểm, như trong trường hợp của Thổ Nhĩ Kỳ hay Argentina thời gian gần đây. Xung đột thương mại leo thang có thể gây tác động mạnh tới tâm lý thị trường, yếu tố sẽ làm trầm trọng thêm các khó khăn kinh tế như đã từng xảy ra tại Thái Lan và Indonesia trong giai đoạn khủng hoảng tiền tệ năm 1997 – 1998.

Đối với khu vực Đông Nam Á, tình trạng phụ thuộc vào đồng Đô la Mỹ hiện nay đặt ra nhiều thách thức đối với các nền kinh tế thành viên. Giá trị đồng đô la đang có xu hướng tăng sẽ khiến một phần dòng vốn từ thị trường mới nổi quay trở lại Hoa Kỳ, bên cạnh tác động của chính sách đưa sản xuất công nghiệp quay trở lại của tổng thống Donald Trump. Do đó, các quốc gia nên đa dạng hóa rõ tiền tệ và xem xét lại cách tính tỉ giá hối đoái chéo với đồng đô la. Việc đa dạng hóa rõ tiền tệ không thể làm trong thời gian ngắn, các chính phủ sẽ phải mất nhiều thời gian để thực hiện công việc này.

Tuy nhiên, trên tổng thể, các đại biểu đều có chung quan điểm rằng dòng vốn đầu tư sẽ được điều chỉnh theo hướng có lợi cho các quốc gia Đông Nam Á, và các doanh nghiệp sẽ có nhiều cơ hội để chuyển đổi các yếu tố sản xuất và tăng cường khả năng cung ứng của mình trong chuỗi giá trị của khu vực và toàn cầu. Các doanh nghiệp trong khu vực cũng đang thích nghi tốt hơn với sự biến động của thị trường thông qua các công cụ phòng ngừa rủi ro (hedging measures) của hệ thống ngân hàng thương mại, ví dụ điển hình là việc gia tăng mức độ bảo vệ của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu đối với các hợp đồng giao dịch bằng đồng đô la.

Trong trung hạn, cuộc xung đột thương mại hay cụ thể hơn, vấn đề bảo hộ thương mại, dù nhiều hay ít, sẽ có khả năng trở thành một điều bình thường mới. Tuy nhiên, nhìn nhận từ những yếu tố nền tảng của châu Á, hay cụ thể là ASEAN với quy mô thị trường lớn (dân số khoảng 650 triệu người) và 50% trong số đó có độ tuổi từ 20 đến 45 - cơ cấu dân số rất năng động với tỷ lệ tiếp cận internet cao (con số này ở Việt Nam là 80%), đây sẽ là một sự đảm bảo lâu dài để các nhà đầu tư có cái nhìn tích cực và tiếp tục cam kết đầu tư và phát triển thị trường trong dài hạn.

Các đại biểu cũng nhấn mạnh rằng, các nhà làm chính sách mặc dù cần nhất quán trong cách tiếp cận vấn đề nhưng trong bối cảnh thay đổi nhanh chóng, họ phải thích ứng linh hoạt và không được cứng nhắc. Chính phủ các nước phải biết rõ nền kinh tế nước mình đang ở vị trí nào và cần cẩn trọng khi điều chỉnh chính sách bởi cách thức và thời điểm điều chỉnh không phù hợp có thể gây ra tác động tâm lý tiêu cực tới thị trường. Chính phủ Indonesia và Thái Lan đang triển khai

nhiều chương trình cụ thể và kinh nghiệm của hai quốc gia này có thể giúp ích phần nào cho các thành viên còn lại trong khu vực.

Trong 4 năm qua, Indonesia được coi là một nền kinh tế có độ nhạy cảm hơn so với các nước trong khu vực, dễ bị tác động từ các yếu tố bên ngoài. Kể từ sau năm 1997, Indonesia đã có những bước tiến quan trọng về chính sách quản lý tài chính hiệu quả, cách tiếp cận chính sách tiền tệ độc lập hơn nhằm tập trung ổn định giá trị đồng Rupiah. Sự phối hợp nhịp nhàng của chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và cả cấu trúc của hệ thống chính trị đã giúp Indonesia giải quyết các vấn đề một cách linh hoạt. Không phải tất cả các chính sách đều mang lại hiệu quả ngay lập tức, nhưng sẽ tạo ra những điều chỉnh theo hướng dài hạn. Chính sách của Indonesia cũng hướng đến việc gây tác động để các nhân tố chủ chốt trên thị trường vốn như các công ty quản lý quỹ có thể có những quyết định phù hợp không những là đối với họ, mà còn đối với toàn bộ thị trường.

Trong khi đó, chính phủ Thái Lan đang cố gắng tiếp cận theo hướng dài hạn và xuyên suốt chu kỳ kinh tế. Cũng giống như Indonesia, Thái Lan thừa nhận đã từng thất bại tại thị trường tiền tệ trong quá khứ (1997) bởi sự yếu kém trong dự đoán và xử lý tình huống của Ngân hàng Trung ương. Do đó công tác nghiên cứu và dự báo biến động đang được nước này đầu tư nguồn lực lớn. Chính phủ Thái Lan hiện đang triển khai các biện pháp giảm sự phụ thuộc tài chính vào nước ngoài, tái cấu trúc các khoản nợ nước ngoài và có những chính sách chặt chẽ hơn về tính thanh khoản của nguồn vốn đối với khu vực kinh tế tư nhân. Thống đốc Ngân hàng Trung ương nước này nhận định rằng, các nền kinh tế mới nổi sẽ phải cân nhắc kỹ chính sách dựa trên những nền tảng hiện có của họ như dự trữ ngoại hối các đồng tiền quốc tế, các khoản đầu tư tài chính của các nhà đầu tư nước ngoài và sự phụ thuộc của nền kinh tế vào thị trường thế giới thông qua các chỉ số về xuất nhập khẩu. Thái Lan hiện nay có khoản dự trữ ngoại hối tương đương khoảng 8 - 9% GDP trong năm 2017 và được đánh giá sẽ là yếu tố đảm bảo sự an toàn cho Thái Lan trong bối cảnh biến động như hiện nay.

Ngoài các chính sách cần trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô, CPTPP và hàng loạt các cơ chế hợp tác thương mại đa phương hiện có trong khu vực sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc dần thiết lập một thị trường mới có tính ổn định và tự chủ hơn trong dài hạn. Các chính phủ nên nhìn vào câu chuyện thương mại điện tử hiện nay để cân nhắc biến nó trở thành công cụ giúp gia tăng mối quan hệ thương mại nội khối. Các Ngân hàng Trung ương trong khối ASEAN cần có sự kết nối tài chính để hướng tới việc thúc đẩy thanh toán điện tử để tiết kiệm thời gian và giảm chi phí cho các hoạt động thương mại trong phạm vi các nước thành viên. Thái Lan và Singapore đang triển khai thử nghiệm sáng kiến này.

Thị trường ASEAN với 650 triệu dân về cơ bản là đủ lớn cho các nước trong khu vực khai thác. Yêu cầu cần thiết hiện tại là cần những nguyên tắc hợp

tác nội khối chặt chẽ để bảo vệ nền sản xuất, thương mại và không ngừng gia tăng khả năng cạnh tranh của khu vực so với các quốc gia khác trên thế giới. Các rào cản về đầu tư cần phải được loại bỏ nhanh chóng để tận dụng các dự án đầu tư lớn đang hướng tới khu vực trong thời gian tới.

Ngoài câu chuyện về biến động thương mại, các diễn giả cũng quan tâm và đề cập tới vấn đề phát triển bền vững trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Indonesia được nhắc tới là một trong số các quốc gia đi đầu trong khu vực trong cuộc cách mạng này với hàng loạt các công ty công nghệ ứng dụng với giá trị trên 1 tỷ USD. Mặc dù vậy, chính phủ nước này đang đối mặt với các thách thức liên quan đến việc phát triển cân đối và mang tính bao trùm.

Đây cũng là tình trạng chung của các quốc gia Đông Nam Á khác. Chính phủ các nước đang quyết tâm thúc đẩy việc cung cấp hạ tầng số tới nơi xa xôi nhất, tạo ra các dịch vụ y tế, giáo dục, tài chính... có mức giá phù hợp với các hộ gia đình. Đây sẽ là tiền đề cho việc triển khai các bước tiếp theo trong quá trình phát triển bao trùm đó là giáo dục nhận thức, đào tạo kỹ năng, từ đó tạo bước đột phá về mô hình kinh doanh trong nhóm kinh doanh hộ gia đình và khối doanh nghiệp SME, tạo thêm sinh kế và gia tăng thu nhập.

Đối với Thái Lan, đất nước có cấu trúc dân số già nhất Đông Nam Á, công nghệ sẽ là vấn đề mấu chốt để duy trì và tăng năng suất lao động trong thời gian tới. Chính phủ Thái Lan đang thúc đẩy xây dựng nền tảng số mở trong lĩnh vực thanh toán điện tử trên toàn bộ hệ thống ngân hàng thương mại để tất cả người dân nước này đều có thể sử dụng với mức phí bằng 0. Thái Lan cũng như Việt Nam, Indonesia và các quốc gia khác trong khu vực sẽ cung cấp toàn bộ dịch vụ internet tốc độ cao về từng làng xóm. Sự tiếp cận, học tập và đào tạo thông qua các nền tảng online trên internet sẽ là yếu tố tiên quyết trong việc thúc đẩy tính bao trùm trong kỷ nguyên số. Ngoài ra, tăng cường an ninh mạng cũng sẽ là yêu cầu gắn liền với quá trình số hóa đời sống kinh tế - xã hội và sẽ sớm trở thành đối tượng tiêu tốn nhiều tài lực và nhân lực chất lượng cao của các quốc gia trong vài năm tới./.



30 NĂM ĐẦU TƯ FDI: NHỮNG TÒN TẠI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHO GIAI ĐOẠN TỚI

Tô Phương Anh

1. Tổng quan 30 năm đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

1.1. Ba làn sóng Đầu tư nước ngoài

Từ cải cách năm 1986 đến nay, Việt Nam đã trải qua 3 làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài. *Làn sóng đầu tư thứ nhất* là vào giai đoạn 1991-1997, với tổng vốn đầu tư tăng gấp 9,5 lần từ 328,8 triệu USD năm 1991 lên 3,115 tỷ USD vào năm 1997. *Làn sóng ĐTNN thứ hai* là vào giai đoạn 2005-2008. Lượng vốn đăng ký và thực hiện đều tăng đột biến, cụ thể năm 2005 mở đầu với 6,893 tỷ USD đăng ký và 3,3 tỷ USD vốn thực hiện, số liệu tương ứng của năm 2006 là 12 tỷ USD và 4,1 tỷ USD, năm 2007 là 31,34 tỷ USD và 8,13 tỷ USD, năm 2008 là 64 tỷ USD và 11,5 tỷ USD. Giai đoạn 2009-2014, vốn ĐTNN vào Việt Nam không có biến động và thay đổi đáng kể như giai đoạn trước với vốn thực hiện hàng năm dao động trong khoảng 11~12 tỷ USD. *Làn sóng thứ ba* khởi đầu từ năm 2015 với mức vốn đăng ký tăng đột biến đạt 22,757 tỷ USD và vốn thực hiện là 14,5 tỷ USD, mức tăng tương ứng là 12,5% và 17,4% so với năm 2014. Tính đến ngày 20/12/2017, ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được 17,5 tỷ USD, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2016, đạt mức giải ngân FDI cao nhất từ trước đến nay. Số vốn giải ngân đến 20/9/2018 đạt 13,25 tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, nhiều dự án ĐTNN có quy mô vốn đầu tư trên 1 tỷ USD như dự án Samsung Display (3 tỷ USD, năm 2015), nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 2 (2,4 tỷ USD, năm 2015), dự án LG Display (1,5 tỷ USD, năm 2016), dự án nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1 (2,58 tỷ USD, năm 2017), dự án nhà máy nhiệt điện BOT Nam Định 1 (2,07 tỷ USD, năm 2017).

1.2. Chính sách đầu tư nước ngoài của Việt Nam

Giai đoạn 1987-1997, Việt Nam tập trung hướng đến các dự án sản xuất hàng thay thế hàng nhập khẩu, sản xuất hàng xuất khẩu, sử dụng nhiều lao động, nguyên liệu và tài nguyên sẵn có, phát triển kết cấu hạ tầng và thúc đẩy một số dịch vụ thu tiền nước ngoài (như du lịch, sửa chữa tàu, dịch vụ sân bay, cảng khẩu...) để tăng nguồn thu ngoại tệ. Giai đoạn này, hầu hết các ngành dịch vụ của Việt Nam còn chưa được mở cửa, nhà đầu tư nước ngoài chưa được phép đầu tư dưới hình thức cổ phần và M&A.

Giai đoạn 1997-2006, sau ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á, vai trò của đầu tư nước ngoài bắt đầu được thực sự coi trọng, khu vực đầu tư nước ngoài trở thành một trong sáu thành phần cùng tồn tại trong nền kinh tế. Giai đoạn này, Chính phủ chủ trương bước đầu xóa bỏ sự phân biệt về chính sách giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, tập trung nâng cao chất lượng đầu tư nước ngoài thông qua thu hút mạnh hơn các tập đoàn xuyên quốc gia (TNCs) đầu tư vào ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ cao và công nghệ nguồn.

Giai đoạn từ năm 2007 đến nay, sau khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam chủ trương nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài, chú trọng chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ sản phẩm, chủ động lựa chọn và ưu tiên các dự án đầu tư nước ngoài có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có vị trí hiệu quả trong chuỗi giá trị toàn cầu, và có liên kết với doanh nghiệp trong nước; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; khuyến khích thành lập các trung tâm nghiên cứu – triển khai của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

1.3. Đặc điểm Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Tính lũy kế đến tháng 9/2018, Hàn Quốc là quốc gia đứng đầu về FDI tại Việt Nam về cả số lượng dự án đầu tư (7.242 dự án) và tổng vốn đầu tư (61,4 tỷ USD); tiếp theo là Nhật Bản với 3.899 dự án, với số vốn đầu tư khoảng 55,8 tỷ USD, Singapore có 2.127 dự án, với số vốn đầu tư 46 tỷ USD. Nếu tính tổng vốn đầu tư từ Trung Quốc, Đài Loan và Hồng Kông thì khu vực này đứng đầu với 5.980 dự án, tổng vốn đầu tư 62,8 tỷ USD.

Các dự án từ nước ngoài tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế tạo, góp phần không nhỏ vào quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Cuối năm 2016, hơn 66% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tập trung vào lĩnh vực công nghiệp – xây dựng với trình độ công nghệ cao hơn mặt bằng chung cả nước.

Đến nay, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã có mặt tại 63 tỉnh thành của Việt Nam. Tuy nhiên, phần lớn các dự án FDI tập trung ở các đô thị lớn và các khu công nghiệp tập trung, nơi có điều kiện hạ tầng cơ sở thuận lợi, nguồn lao động dồi dào và có trình độ cao. Riêng 5 tỉnh/thành phố gồm: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu và Đồng Nai đã thu hút 166 tỷ USD (lũy kế đến 20/9/2018), chiếm 50% tổng vốn đầu tư đăng ký và 68,3% tổng số dự án trên cả nước.

Trong giai đoạn 2010-2016, quy mô trung bình một dự án chỉ ở mức 8,9 triệu USD, cao hơn 7% so với giai đoạn 1988-2003 trước đó (theo số liệu của CIEM, 2003). Tính lũy kế đến tháng 9/2018, quy mô trung bình của một dự án đạt 12,5 triệu USD, tăng 140% so với giai đoạn 2010-2016.

1.4. Tồn tại, thách thức

30 năm đầu tư nước ngoài đã mang đến cho Việt Nam nhiều thành tựu như thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực trong nước, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng như năng suất lao động của nền kinh tế, là kênh chuyển giao công nghệ... Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế cần được cải thiện và khắc phục để nâng cao hiệu quả sử dụng, đồng thời thu hút thêm nguồn vốn chất lượng.

Thứ nhất, hiệu quả tổng thể nguồn vốn đầu tư nước ngoài chưa cao do các dự án đầu tư nước ngoài chủ yếu tập trung vào một số công đoạn trong các ngành thâm dụng lao động và sử dụng công nghệ trung bình như gia công (dệt may, da giày, chế biến gỗ), lắp ráp (điện tử, ô tô, xe gắn máy...) và một số ngành chế biến thực phẩm. Hiện nay, với trên 50% giá trị sản lượng công nghiệp và trên 70% giá trị xuất khẩu (năm 2017), khu vực đầu tư nước ngoài đang giữ vai trò chủ chốt đối với tăng trưởng công nghiệp và xuất khẩu của Việt Nam. Việt Nam hiện vẫn là nước gia công hàng hóa ở công đoạn thấp trong chuỗi giá trị toàn cầu với một số chuỗi lâu đời, có nguy cơ bị thay thế hoặc dễ bị tác động bởi CMCN 4.0, tỷ lệ nội địa hóa trong một số ngành công nghiệp còn thấp như: ô tô: 15-40%, điện tử tin học: 15-30%, công nghiệp công nghệ cao: 5-10%, điện thoại linh kiện: 10-20%..., và giá trị gia tăng trên một đơn vị sản phẩm không cao.

Thứ hai, các ngành, lĩnh vực, địa bàn ưu tiên chưa thu hút được sự quan tâm và tham gia đầu tư nhiều của các nhà đầu tư nước ngoài. Đầu tư vào dự án cơ sở hạ tầng vốn là tiền đề cho phát triển kinh tế còn rất hạn chế, đặc biệt là các dự án trong phát triển kết cấu hạ tầng như đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không... Các doanh nghiệp FDI cũng chưa đầu tư vào ngành nông lâm ngư nghiệp. Bình quân mỗi dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp có quy mô trung bình 6,9 triệu USD/dự án, chưa bằng 1/2 quy mô trung bình (15 triệu USD/dự án). Các dự án đầu tư nước ngoài hiện đều tập trung vào các thành phố lớn, nơi có cơ sở hạ tầng đã phát triển, trình độ lao động cao, năng suất tương đối và có thị trường tiêu thụ sản phẩm như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Quảng Ninh, Đà Nẵng...

Thứ ba, khu vực đầu tư nước ngoài thu hút và chuyển giao công nghệ còn lạc hậu, chưa đạt được mục tiêu kỳ vọng là tiếp thu công nghệ cao, công nghệ nguồn từ các nước công nghiệp phát triển hàng đầu. Năm 2012, trên 80% doanh nghiệp FDI tại Việt Nam sử dụng công nghệ trung bình của thế giới, 14% sử dụng công nghệ lạc hậu, chỉ 5-6% sử dụng công nghệ cao. Chuyển giao công nghệ chủ yếu thực hiện theo chiều ngang thông qua hình thức góp vốn và mua sắm máy móc, thiết bị, đi kèm đào tạo về quản lý và vận hành của đối tác nước ngoài, do đó, chủ yếu công nghệ chỉ được nhân rộng về mặt số lượng, ít có biến chuyển về trình độ và năng lực. Không chỉ vậy, một số doanh nghiệp khối đầu tư nước ngoài còn lợi dụng lỗ hổng pháp luật để nhập khẩu, chuyển giao sang Việt Nam những công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm nghiêm trọng đến môi trường, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ tư, số lượng và chất lượng việc làm còn chưa tương xứng. Hầu hết các doanh nghiệp FDI lựa chọn đầu tư sang Việt Nam để tận dụng nguồn lao động, nhân công giá rẻ với chi phí đầu vào thấp. Tuy nhiên, thu nhập của người lao động khối đầu tư nước ngoài chỉ cao hơn khu vực tư nhân trong nước, nhưng vẫn thấp hơn khối nhà nước. Theo thống kê của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, hơn 80% tổng số các cuộc đình công tự phát thuộc về khu vực đầu tư nước ngoài. Nguyên nhân chủ yếu của các cuộc đình công xuất phát từ tranh chấp lao động tập thể về quyền và lợi ích (chủ yếu liên quan đến lương, thưởng, vi phạm thời giờ làm việc-nghỉ ngơi, nợ bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động khắc nghiệt, áp dụng quy định trái pháp luật, đối xử thô bạo...)....

1.5. Nguyên nhân

Nguyên nhân của những hạn chế này đến từ một số yếu tố sau:

Thứ nhất, nhận thức về vị trí, vai trò của đầu tư nước ngoài đối với nền kinh tế chưa thống nhất, cụ thể, nhiều quy định, quy trình, thủ tục hồ sơ chưa phù hợp, gây hạn chế, phân biệt đối xử đối với khu vực đầu tư nước ngoài, gia tăng chi phí hành chính, chi phí sau khi được cấp phép kinh doanh. Trong một số trường hợp, chính sách đầu tư nước ngoài chỉ được coi là hệ thống văn bản thứ cấp, phái sinh từ các văn bản pháp quy khác với vai trò quản lý, điều chỉnh trong phạm vi hoạt động đầu tư có nhân tố nước ngoài. Ngoài ra, tồn tại một số quan điểm tương đối đơn giản về thu hút, sử dụng vốn đầu tư nước ngoài trong giới hoạch định chính sách, chỉ coi đầu tư nước ngoài là một nguồn lực tài chính, một kênh thu hút công nghệ cao từ kỳ vọng lợi ích của Việt Nam thay vì đặt đầu tư nước ngoài trong sự chuyên dịch của dòng đầu tư thế giới và kết hợp cách tiếp cận tổng thể toàn cầu của “thế giới phẳng”.

Thứ hai, hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách và môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam còn nhiều hạn chế, thiếu sức hút đối với dòng đầu tư nước ngoài từ các quốc gia phát triển, các tập đoàn đa quốc gia tầm cỡ thế giới.

Thứ ba, khu vực doanh nghiệp trong nước kém phát triển làm hạn chế khả năng liên kết. Mặc dù doanh nghiệp trong nước được ưu tiên hơn doanh nghiệp nước ngoài về tiếp cận thị trường, hình thức đầu tư và phạm vi hoạt động, nhưng do Việt Nam có xuất phát điểm thấp, chưa có một nền công nghiệp trên nền tảng công nghiệp chế tạo, môi trường đầu tư kinh doanh chưa thuận lợi, nên doanh nghiệp nội địa vẫn còn thiếu năng lực về công nghệ và khả năng nâng cấp công nghệ, quy mô và chất lượng nhân lực, quy mô vốn...

Thứ tư, cơ sở hạ tầng và dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư. Theo báo cáo của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) về năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2017-2018, cơ sở hạ tầng (CSHT) của Việt Nam vẫn ở vị trí rất thấp, xếp hạng 79 trên thế giới (3,9 điểm), chỉ tăng 2 bậc so với năm 2014.

Thứ năm, nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam thiếu hụt về số lượng, hạn chế về chất lượng và bất cập về cơ cấu, cụ thể, tỷ lệ lao động qua đào tạo mới chỉ đạt trên 50% tổng số lực lượng lao động trong cả nước, tỷ lệ người lao động qua đào tạo có bằng hoặc chứng chỉ còn thấp, gần 80% số người lao động từ 15 tuổi trở

lên chưa được đào tạo nghề có văn bằng, chứng chỉ và Việt Nam hiện đang mất cân đối về cơ cấu lao động qua đào tạo giữa giáo dục nghề và giáo dục đại học.

Thứ sáu, quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài còn một số bất cập. Cụ thể, Việt Nam còn thiếu một chiến lược dài hạn ở tầm quốc gia để có thể chủ động lâu dài và ổn định trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài; quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài, phương thức xúc tiến đầu tư chưa được điều phối hiệu quả và thông suốt từ trung ương tới địa phương; công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát và xử lý vấn đề phát sinh trong thực hiện dự án tại địa phương còn nhiều hạn chế...

2. Định hướng chính sách thu hút đầu tư nước ngoài giai đoạn tới

Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, có 7 xu hướng lớn toàn cầu sẽ tác động đến đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong giai đoạn 2018-2030 sắp tới bao gồm: (i) sản xuất công nghiệp thông minh dưới thời cách mạng công nghiệp 4.0, cùng với quá trình số hóa ngành chế tạo; (ii) các hiệp định thương mại tự do và hiệp định lớn trong khu vực như CPTPP, RCEP, EUVFTA, AEC, BRI...; (iii) những thay đổi chính đối với động lực của việc đặt địa điểm sản xuất ở nước ngoài so với việc chuyển địa điểm sản xuất về những quốc gia ở gần; (iv) phát triển cụm nhóm chú trọng hơn vào phát triển cụm sản xuất theo hướng giá trị; (v) những hình thức đầu tư nước ngoài mới và phương thức đầu tư xuyên biên giới không góp vốn (NEM); (vi) các tập đoàn đa quốc gia tập trung vào khả năng chống chịu và hạn chế rủi ro của chuỗi cung ứng; và (vii) xu hướng phát triển bền vững về môi trường.

Để phát huy hơn nữa vai trò tích cực đồng thời khắc phục những hạn chế của đầu tư nước ngoài, trên cơ sở những định hướng cho giai đoạn mới, thời gian tới, cần tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, củng cố môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, an toàn và ổn định. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 19/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh để phát triển khu vực doanh nghiệp năng động và một nền kinh tế cạnh tranh lành mạnh. Cần xây dựng và vận hành hiệu quả các thị trường tài chính, đất đai, lao động, năng lượng, nguyên vật liệu...

Thứ hai, tập trung phát triển khu vực kinh tế trong nước trên các mặt năng lực quản lý, tiềm lực kinh tế, công nghệ và thực lực hội nhập quốc tế. Đặc biệt, song song với ưu tiên phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chú trọng doanh nghiệp trong các lĩnh vực công nghệ chế tạo, công nghệ thông tin và các dịch vụ then chốt như dịch vụ tài chính. Nuôi dưỡng kinh tế tư nhân đủ khả năng trở thành động lực phát triển của nền kinh tế, qua đó liên kết với TNCs, tiếp nhận chuyển giao công nghệ, phát triển công nghiệp hỗ trợ, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu... để nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư nước ngoài. Theo đó, xây dựng chiến lược để thúc đẩy doanh nghiệp trong nước tham gia liên danh, liên kết, từng bước góp vốn mua cổ phần, vốn góp trong doanh nghiệp FDI để tiếp cận công nghệ cao và kỹ năng quản lý tiên tiến.

Thứ ba, tháo bỏ rào cản thị trường đối với khối đầu tư nước ngoài trong ngành, lĩnh vực mà Việt Nam không còn nhu cầu bảo hộ. Xã hội hóa một số lĩnh vực dịch vụ công để tạo điều kiện và khuyến khích khu vực tư nhân. Tạo điều kiện để khối FDI tham gia mua vốn cổ phần doanh nghiệp nhà nước, để tái cơ cấu, nâng tầm quản lý, công nghệ cao.

Thứ tư, cải thiện và nâng cao trình độ lao động, góp phần phát triển thị trường lao động cạnh tranh với quy định, thể chế đầy đủ, sẵn sàng đương đầu với những thách thức về thị trường lao động mà cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại. Nghiên cứu, triển khai chương trình, dự án giúp gia tăng về chiều sâu nền tảng kỹ năng của người lao động trong một số lĩnh vực đặc biệt quan trọng (như các ngành liên quan đến CMCN 4.0, công nghệ mới...). Bên cạnh nguồn vốn trong nước, thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

Thứ năm, hoàn thiện luật pháp và chính sách nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Song song với chính sách nhập khẩu và tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, cần tập trung phát triển những nguồn sáng tạo, công nghệ nội sinh để có thể chủ động về công nghệ nguồn, hạn chế phụ thuộc vào khối đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, tập trung nghiên cứu, dự báo xu hướng phát triển của công nghệ, nhìn nhận thấu đáo cơ hội và thách thức mà công nghệ mới mang lại để có thể đưa ra quyết sách nhanh chóng, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Thứ sáu, hoàn thiện pháp luật về đầu tư doanh nghiệp nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, an toàn, thân thiện cho mọi đối tượng, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước với đầu tư kinh doanh. Ngoài ra, tiến hành điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư dựa trên 2 nguyên tắc: lợi ích tổng thể mà đầu tư nước ngoài đem lại cho nền kinh tế (trình độ công nghệ, bảo vệ môi trường, tăng cường chuỗi cung ứng, đào tạo nguồn nhân lực...) và khả năng hiện thực hóa những lợi ích đó./.



TIN NGOẠI GIAO KINH TẾ



THỦ TƯỚNG TIẾP LÃNH ĐẠO TẬP ĐOÀN COCA-COLA

Chiều 26/10, tại trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã tiếp ông Calin Dragan, Chủ tịch Tập đoàn Coca-Cola,

Tại buổi tiếp, Thủ tướng đã đánh giá cao hoạt động đầu tư kinh doanh của Coca-Cola tại Việt Nam. Là nhà đầu tư lớn, Tập đoàn đã tạo ra hàng ngàn việc làm, có nhiều sản phẩm đa dạng, nhất là sử dụng nguyên liệu trong nước. Bên cạnh thực hiện trách nhiệm nộp thuế, Tập đoàn còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Thủ tướng cũng khẳng định Chính phủ luôn tạo điều kiện thuận lợi, tạo các cơ chế thông thoáng cho nhà đầu tư.

Nhắc lại cuộc gặp với Thủ tướng cách đây khoảng một năm rưỡi nhân chuyến thăm Hoa Kỳ (tháng 5/2017), ông Cali Dragan cho biết, luôn ghi nhớ ý kiến của Thủ tướng, trong đó, có việc tăng cường sử dụng nguyên liệu của Việt Nam. “Nhờ chính sách tạo điều kiện của Việt Nam, chúng tôi đạt tăng trưởng tích cực, nằm trong TOP 100 công ty đóng thuế doanh nghiệp hàng đầu”, ông Cali Dragan bày tỏ. Ông cho biết về dự định tìm kiếm mặt bằng tại Hà Nội để mở nhà máy thứ 4 của Coca-Cola tại Việt Nam. Theo kế hoạch kinh doanh dự kiến, đến năm 2020, Tập đoàn sẽ mở tiếp một nhà máy nữa ở TP. HCM.

Ông Cali Dragan bày tỏ cảm ơn Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp có môi trường hoạt động tốt. Ông khẳng định cam kết không chỉ thực hiện tốt trách nhiệm nộp thuế mà cả trách nhiệm xã hội.

Ghi nhận ý kiến của ông Cali Dragan, Thủ tướng vui mừng khi biết Coca - Cola đang đẩy mạnh phát triển sản xuất ra phía bắc, trong đó có kế hoạch xây dựng khu sản xuất có tổng vốn đầu tư 300 triệu USD tại Hà Nội, dự kiến sản xuất không chỉ các sản phẩm truyền thống mà còn các sản phẩm bổ dưỡng, sử dụng nguyên liệu địa phương, tạo nhiều giá trị gia tăng, đồng thời sử dụng trực tiếp hàng nghìn lao động và phát triển mạng lưới phân phối, gián tiếp tạo việc làm cho hàng vạn lao động khác.

Thủ tướng nêu rõ, Chính phủ luôn tạo điều kiện thuận lợi, tạo các cơ chế thông thoáng cho nhà đầu tư.

DIỄN ĐÀN VIỆT NAM - ẤN ĐỘ THỨC ĐẨY TẦM NHÌN MỚI CHO NÔNG NGHIỆP

Chiều 26/10 tại thủ đô New Delhi, Liên đoàn Các phòng thương mại và công nghiệp Ấn Độ (FICCI) đã phối hợp với Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ tổ chức diễn đàn kinh doanh với chủ đề "Tầm nhìn mới cho nông nghiệp: Xây dựng và tăng cường quan hệ đối tác Việt Nam - Ấn Độ". Đoàn Việt Nam do Thứ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trần Thanh Nam dẫn đầu đã tham dự diễn đàn, cùng với Đại sứ Việt Nam tại Ấn Độ Phạm Sanh Châu và đông đảo các quan chức, doanh nghiệp và học giả, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp, tài chính, bảo hiểm, ngân hàng.

Thông qua diễn đàn, hai bên mong muốn tạo thêm cầu nối cho doanh nghiệp hai nước tiếp xúc, trao đổi thông tin tiến tới ký kết các thỏa thuận liên doanh, liên kết đầu tư và tiêu thụ nông sản nhằm góp phần đạt được mục tiêu nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên 15 tỷ USD vào năm 2020. Phát biểu tại diễn đàn, Thứ trưởng Trần Thanh Nam khẳng định quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt Nam và Ấn Độ đang có những bước phát triển mạnh mẽ, toàn diện và thực chất. Ấn Độ là một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Trong những năm gần đây, kim ngạch thương mại nông sản giữa hai nước luôn ở mức ổn định. Năm 2017, thương mại hàng nông lâm thủy sản hai chiều đạt gần 1,2 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa Ấn Độ của Việt Nam đạt 800 triệu USD và xuất sang Ấn Độ gần 400 triệu USD. Việt Nam xuất khẩu sang Ấn Độ các mặt hàng chính như cà phê, hồ tiêu, hạt điều, thủy sản và nhập khẩu từ Ấn Độ các mặt hàng như giống rau và hoa quả các loại, cây giống, bông, ngô hạt thương phẩm, dược liệu và sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Tuy nhiên, Thứ trưởng Trần Thanh Nam cũng chỉ ra nhiều lĩnh vực Ấn Độ có thể mạnh và Việt Nam có nhu cầu nhưng chưa được các doanh nghiệp Ấn Độ quan tâm đầu tư. Nguyên nhân là do khoảng cách địa lý, thiếu thông tin về môi trường, chính sách khuyến khích đầu tư cũng như chưa thấy được tiềm năng của thị trường Việt Nam. Theo Thứ trưởng, Ấn Độ là quốc gia có trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến, có thể mạnh về công nghệ chế biến và nông nghiệp công nghệ cao cũng như có nguồn vốn dồi dào. Việt Nam mong muốn các doanh nghiệp Ấn Độ tăng cường đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cơ khí nông nghiệp, chế biến nông thủy sản, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Ông nhấn mạnh, triển vọng hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn còn rất lớn do hai nước có nhiều thế mạnh có thể bổ sung, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Hai bên đã giải đáp các thắc mắc về môi trường chính sách, hàng lang pháp lý ở mỗi nước, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các hoạt động kết nối giao thương, xúc tiến thương mại song phương.

VIỆT NAM - URUGUAY ĐẨY MẠNH TIỀM NĂNG HỢP TÁC THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

Trong khuôn khổ các hoạt động kỷ niệm 25 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Uruguay (1973-2018), Đại sứ quán Việt Nam tại Argentina kiêm nhiệm Uruguay đã phối hợp với cơ quan xúc tiến xuất khẩu Uruguay tổ chức một cuộc tọa đàm về tiềm năng hợp tác thương mại và đầu tư giữa hai nước với sự tham gia của các doanh nghiệp nước sở tại quan tâm tới thị trường Việt Nam. Phát biểu khai mạc tọa đàm, Đại sứ Việt Nam tại Argentina kiêm nhiệm Uruguay ông Đặng Xuân Dũng khẳng định đây là sự kiện quan trọng

trong quan hệ hợp tác kinh tế-thương mại giữa Việt Nam và Uruguay vì lợi ích của cả hai nước.

Đại sứ cũng giới thiệu về những thành tựu chính của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cũng như những chính sách kinh tế mở cửa, thị trường xuất nhập khẩu đầy tiềm năng của Việt Nam. Đại sứ cho rằng việc tăng cường hợp tác thương mại với Việt Nam cũng sẽ giúp cho các doanh nghiệp Uruguay có điều kiện thuận lợi để tiếp cận với thị trường các nước ASEAN. Trong khuôn khổ cuộc tọa đàm, các doanh nghiệp Uruguay đã được giới thiệu nhiều mặt hàng xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam có thể thu hút được người tiêu dùng tại nước sở tại như hàng dệt may, giày dép, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, cao su, sản phẩm mây tre, cói, thảm, sản phẩm từ thép, sản phẩm từ chất dẻo, gốm, sứ, xơ, sợi dệt các loại.

Phía Việt Nam cũng mong muốn các doanh nghiệp Uruguay tiếp tục mở rộng giới thiệu các mặt hàng xuất khẩu thế mạnh của mình hiện đang đáp ứng tốt cho nhu cầu của thị trường Việt Nam như các sản phẩm từ gỗ, nguyên phụ liệu dệt may, da, dược phẩm, sữa, hàng thủy sản và thức ăn gia súc

VIỆT NAM THAM DỰ HỘI CHỢ BÁN HÀNG TỪ THIỆN QUỐC TẾ TẠI TRUNG QUỐC

Ngày 21/10, Hội chợ bán hàng gây quỹ từ thiện quốc tế lần thứ 10 (còn gọi là Hội chợ Bazarr), diễn ra tại Sân vận động quốc gia “Tổ chim” ở thủ đô Bắc Kinh, với sự tham gia hơn 90 cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế cùng cộng đồng người nước ngoài đang sinh sống và làm việc tại đây. Hội chợ này do Bộ Ngoại giao Trung Quốc, chính quyền thành phố Bắc Kinh và Quỹ hỗ trợ người nghèo Trung Quốc (CFPA) phối hợp tổ chức. Với chủ đề "Tình yêu không biên giới-Lắng nghe tình yêu của thế giới," Hội chợ Bazarr lần này nhằm tuyên truyền góp tài chính cho trẻ em khiếm thính được cấy ghép ốc tai điện tử miễn phí và hỗ trợ người nghèo tại khu vực tỉnh Cam Túc.

Đại sứ quán Việt Nam đã nhiệt tình hưởng ứng hoạt động này với gian hàng trưng bày món nem truyền thống, cà phê... và tham gia nhiều hoạt động đa dạng trong khuôn khổ hội chợ. Được trang trí ấn tượng, gian hàng Việt Nam đã thu hút đông đảo khách tham quan, mua sắm và thưởng thức, qua đó góp phần vào thành công của hoạt động từ thiện trên.

Phát biểu tại hội chợ, bà Tiên Vĩ, phu nhân của Ủy viên Quốc vụ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị, cho biết với sự ủng hộ nhiệt tình của ngoại giao đoàn và nhiều cá nhân, các tổ chức quốc tế tại thủ đô Bắc Kinh, quy mô hội chợ ngày càng được mở rộng. Không chỉ dừng lại ở mục đích gây quỹ từ thiện, hội chợ cũng đã trở thành nơi để cộng đồng người nước ngoài tại Trung Quốc giao lưu, quảng bá về đất nước, con người, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, văn hóa ẩm thực... của mỗi nước./.





CƠ HỘI HỢP TÁC – GIAO THƯƠNG



MỜI THAM DỰ TRIỂN LÃM TOÀN CẦU VỀ HỢP TÁC PHÁT TRIỂN NAM – NAM 2018 (28-30/11/2018) TẠI NEW YORK, HOA KỲ

Triển lãm Toàn cầu về Hợp tác Phát triển Nam – Nam 2018 (GSSD Expo 2018) sẽ được diễn ra từ ngày 28 -30/11/2018 tại trụ sở của Liên hợp quốc, New York, Hoa Kỳ. Triển lãm do Văn phòng hợp tác Nam - Nam của Liên hợp quốc (UNOSSC) phối hợp với các cơ quan và đối tác của Liên hợp quốc tổ chức. GSSD Expo 2018 còn có sự tham gia của tất cả các đối tác phát triển đến từ khu vực tư nhân, xã hội dân sự, các tổ chức học thuật và từ thiện, nhằm thúc đẩy các sáng kiến thực chất về phát triển Nam – Nam hướng tới mục tiêu thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

Năm 2018 sẽ đánh dấu 10 năm GSSD Expo được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2008. Từ đó đến nay, GSSD Expo đã giới thiệu hàng nghìn các phương pháp, mô hình thành công nhất của các quốc gia thành viên, của hệ thống LHQ, các doanh nghiệp đến từ khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội dân sự. GSSD Expo sẽ tạo ra một diễn đàn cho tất cả các đối tác phát triển và các bên liên quan giới thiệu những giải pháp về phát triển cho các quốc gia đang phát triển, chào mừng các thành công mà Hợp tác Nam – Nam và Hợp tác ba bên đã đạt được, chia sẻ kiến thức và các bài học kinh nghiệm, xác định các phương thức hợp tác mới cũng như thiết lập các quan hệ đối tác mới.

Với chủ đề "Giới thiệu các tổ chức hỗ trợ Hợp tác Phát triển Nam-Nam và Hợp tác ba bên chuẩn bị cho Hội nghị cấp cao lần thứ hai của Liên hợp quốc về Hợp tác Nam-Nam (Hội nghị BAPA+40), triển lãm sẽ là một trong những sự kiện lớn cuối cùng để kết nối các bên liên quan bao gồm các tổ chức và các nước thành viên Liên hợp quốc, giới học thuật và các tổ chức xã hội dân sự trước khi Hội nghị BAPA+40 diễn ra.

Các cá nhân, tổ chức quan tâm, xin vui lòng đăng ký tham dự chương trình tại: <http://www.expo.unsouthsouth.org/2018-new-york/registration/>. Thời hạn đăng ký tham dự: 11:59pm ngày 15/11/2018 (giờ New York).

TUẦN LỄ NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ ĐÀI LOAN NĂM 2018

Từ ngày 21-23/11/2018, tại Trung tâm Triển lãm Cao Hùng, Đài Loan sẽ Tuần lễ Nông nghiệp quốc tế Đài Loan năm 2018 do Hội đồng phát triển ngoại thương Đài Loan (TAITRA) tổ chức. Trong khuôn khổ của Tuần lễ, sẽ có các chương trình: Triển lãm Rau quả quốc tế Đài Loan; Triển lãm Kỹ thuật quốc tế Đài Loan; Triển lãm Hoa quốc tế Đài Loan; Triển lãm Chuỗi cung ứng lạnh giao hàng đồ tươi Đài Loan; Buổi giao thương B2B; Diễn đàn Nông nghiệp mới và an

toàn thực phẩm; Quản lý chuỗi cung ứng, từ nơi trồng đến bàn ăn"; Giải pháp tổng thể an toàn thực phẩm và chuỗi dịch vụ tốt nhất cung ứng lạnh.

Dự kiến có khoảng 20 quốc gia với 400 doanh nghiệp tham gia triển lãm, sử dụng 440 gian hàng với tổng diện tích khoảng 5.560m², thu hút khoảng 12.000 khách mua hàng chuyên nghiệp trong nước và quốc tế.

Triển lãm sẽ trực tiếp hỗ trợ cho 150 khách mua hàng nước ngoài, với mức hỗ trợ cho mỗi khách mua hàng là 300USD, và sẽ sắp xếp giao thương thông qua App trên mạng với doanh nghiệp tham gia triển lãm. Ban Tổ chức hoan nghênh khách mua hàng trong lĩnh vực nông, ngư nghiệp của các doanh nghiệp đến thăm quan và tham gia buổi giao thương B2B (Thông tin triển lãm tham khảo tại website: <http://www.taiwanagriweek.com>)

Thông tin chi tiết về chương trình, vui lòng liên hệ:

Văn phòng Kinh tế và Văn hoá Đài Bắc tại Việt Nam

Chị Trần Phương Diệu – Phòng Thương mại

Tel: 024-38335510 (ext 124)

Email: dieukt@netnam.vn

LỄ HỘI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ LẦN THỨ HAI (FICTEC 2018) TỪ 29/11-02/12/2018 TẠI VENEZUELA

Từ ngày 29/11-02/12/2018 tại Công viên Simon Boliar, Caracas sẽ diễn ra Lễ hội Khoa học Công nghệ lần thứ hai (FICTEC 2018). Sự kiện được tổ chức nhằm giới thiệu tiềm năng khoa học công nghệ của Venezuela và thúc đẩy hợp tác trong những lĩnh vực Venezuela có thể mạnh để tái khởi động nền kinh tế quốc gia.

Thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Venezuela, Bộ Đại học, Khoa học và Công nghệ Venezuela trân trọng mời doanh nghiệp Việt Nam quan tâm tham dự sự kiện dưới các hình thức sau:

Các gian hàng trưng bày sản phẩm khoa học kỹ thuật, văn hóa, ẩm thực do Ban Tổ chức FICTEC 2018 đài thọ, kích thước 3mx6m. Doanh nghiệp Việt Nam quan tâm xin liên hệ qua: (i) Email: mppeuct.dg.oiai2018@gmail.com hoặc (ii) số điện thoại: 0414.748.9047/ 0212.555.5373.

Hội thảo trao đổi, gặp gỡ doanh nghiệp cho các doanh nghiệp Việt Nam đang hoạt động tại Venezuela hoặc có quan tâm tới thị trường này. Liên hệ: fictec@mppeuct.gob.ve / fictec1@gmail.com.

